

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 046/MSC/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“MSC”)

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 625 55660

Fax: (028) 381 09463

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0302017440

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: HẠT NÊM CHIN-SU NGỌT THANH

2. Thành phần: Muối, chất điều vị (621, 635), đường, xương hàm cô đặc 101,8 g/kg, tinh bột khoai mì, maltodextrin, bột thịt gà, nước mắm, hương liệu (giống tự nhiên, tổng hợp), dầu cọ, mỡ heo, bột hành tây, bột tỏi, hành tím, tỏi, bột tôm, chất tạo ngọt acesulfam kali tổng hợp, chiết xuất trái dành dành, D-xylose, hỗn hợp amino acid ✓

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm đựng trong bao bì màng ghép phức hợp. Khối lượng tịnh: 400 g. ✓

- Các gói được đóng trong thùng giấy carton. Khối lượng tịnh: 6,4 kg (16 gói x 400 g)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- A: Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan

Lô 06, khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- B: Công ty TNHH Một thành viên Masan HD

Lô 22, khu công nghiệp Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

(địa chỉ sản xuất được mã hóa thành các ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX-HSD)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



7/2

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm gia vị.
2. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm gia vị.
3. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm gia vị.
4. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC 



Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 046/MSC/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	NHÓM SẢN PHẨM GIA VỊ	Số TCCS 35:2021/MS102
	HẠT NÊM CHIN-SU NGỌT THANH	Có hiệu lực từ kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: dạng hạt, khô ráo, toí rời, không vón cục.
- Màu: trắng vàng nhạt
- Mùi, vị: mùi vị đặc trưng, có vị ngọt thanh, không có mùi vị lạ.
- Trạng thái đặc trưng khác nếu có: không.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng protein	g/100 g	9,4 – 17,5
2	Hàm lượng lipid	g/100 g	1,5 – 2,9
3	Hàm lượng carbohydrate	g/100 g	25,6 – 47,6
4	Giá trị năng lượng	kcal/100 g	154,1– 286,3

- 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm gia vị:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	Coliforms	CFU/g	10 ²
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10
		Hoặc MPN/g	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10 ²
5	<i>Samonella</i>	CFU/25 g	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²

- 4. Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm gia vị:

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



74 J

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	5,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm gia vị:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B1	µg/kg	5,0
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	µg/kg	10,0
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	30,0

6. **Danh mục phụ gia thực phẩm:** tra cứu theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 12.2.2 Đồ gia vị:

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Mononatri L-glutamat (621)	
2	Dinatri 5'-ribonucleotid (635)	
3	Acesulfam kali (950)	
4	Hương liệu (giống tự nhiên, tổng hợp)	



Bản tự công bố này được đăng tải tại website: <https://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

7 J



KHỐI LƯỢNG TÍNH:
400 g



GẤP 5 LẦN XƯƠNG HẪM CÔ ĐẶC (*)

(***) Từ nguồn nguyên liệu xương thịt sạch MEATDeli, Hạt nêm CHIN-SU Ngọt Thanh (*) với gấp 5 lần xương hầm cô đặc (*), mang lại vị ngọt thanh cho mọi món ăn; đặc biệt là các món canh, món nước.

Thành phần: Muối, chất điều vị (621, 635), đường, xương hầm cô đặc (***) 101,8 g/kg, tinh bột khoai mì, maltodextrin, bột thịt gà, nước mắm, hương liệu (giống tự nhiên, tổng hợp), dầu cò, mỡ heo, bột hành tây, bột tỏi, hành tím, tỏi, bột tôm, chất tạo ngọt acesulfam kali (tổng hợp, chiết xuất trái danh dành), D-xylose, hỗn hợp amino acid

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ thủy sản, đậu nành

Hành nhân: Muối, chất điều vị (621, 635), đường, xương hầm cô đặc (***) 101,8 g/kg, tinh bột khoai mì, maltodextrin, bột thịt gà, nước mắm, hương liệu (giống tự nhiên, tổng hợp), dầu cò, mỡ heo, bột hành tây, bột tỏi, hành tím, tỏi, bột tôm, chất tạo ngọt acesulfam kali (tổng hợp, chiết xuất trái danh dành), D-xylose, hỗn hợp amino acid

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ thủy sản, đậu nành

Masasan
Được thành lập từ năm 1997, Masasan là một trong những thương hiệu hàng đầu của Việt Nam. Chúng tôi luôn nỗ lực để mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng cao, an toàn và tiện lợi.

Thông tin dinh dưỡng (trong 100g sản phẩm):

PROTEIN	LIPID	CARBOHYDRAT	ENERGY
13,5 g	2,2 g	36,6 g	220,2 kcal

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

- MÓN CANH:** 3 muỗng (thìa) nhỏ (***) cho 1 lít nước
- MÓN XÀO:** 1 muỗng (thìa) nhỏ (***) cho 500 g rau củ
- MÓN KHO:** 2 muỗng (thìa) nhỏ (***) cho 500 g thịt/ cá

PROTEIN CHẤT ĐÀM
13,5 g

LIPID CHẤT BÉO
2,2 g

CARBOHYDRATE CARBOHYDRAT
36,6 g

ENERGY NĂNG LƯỢNG
220,2 kcal

(*) so với hạt nêm CHIN-SU ngọt thơm thịt

Mã kiểm soát: BNTU00693.35.2021.MS102

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH CỎ TRONG 100 g:

Sản phẩm chất lượng của Masasan consumer

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masasan
Tầng 12, tòa nhà MPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068
Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản xuất tại Việt Nam

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh. Cột kín nắp gói sau khi sử dụng

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu. Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Sản xuất theo số TCCS 35:2021/MS102

14-12-2021



CHIN-SU HẠT NÊM NGỌT THANH		
KÍCH THƯỚC PHỤ BÌ (MM)		
Chiều dài (L)	Chiều rộng (W)	Chiều cao (H)
435	305	165
Không cách nạp (C): 8	Không cách artwork (A): 10	Độ rộng nếp dán (B): 30

Mã kiểm soát:

BGTG00194.35.2021.MS102

BGTG00194 Khối lượng tịnh: 6,4 Kg (16 gói x 400 g)

CHIN-SU

NGON THO THANG

HẠT NÊM NGỌT THANH

Sản phẩm chất lượng của Masan consumer

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Tầng 12, Tòa nhà M Plaza Saigon, 50 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu. Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Kích thước: 435 mm x 305 mm x 165 mm
Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: BẢO QUẢN NƠI KHÔ BẢO, THOANG MẠT, TRÁNH ANH NANG TRỰC TIẾP. TRÁNH ĐỂ GẦN HỒA CHẤT VÀ SẢN PHẨM CƠ MỤI MẠNH

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm

(*) so với hạt nêm CHIN-SU ngọt tằm thơm thịt

03HG00140

16 GÓI

Gói 400 g

Sản xuất tại Việt Nam
Tổng khối lượng: 7,2 kg
03HG00140

GẤP 5 LẦN XƯƠNG HẦM CÔ ĐẶC (*)

CÁCH XẾP PALLET
Pallet: 1m x 1,2m
8 thùng x 8 lớp = 64 thùng/pallet

Lớp chẵn	Lớp lẻ
1200	1000
200	200

14-12-2021



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18952.21



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẨN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : HẠT NÊM CHIN-SU NGỌT THANH
Ngày lấy mẫu : 10/11/2021
Lượng mẫu : 01 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 10/11/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Lipid	TCVN 6688-3 : 2007	2,15 g/100 g	10/11/2021
2	Protein	HD.PP.13/TT.LH:2016 (Ref. AOAC 991.20) (b)	13,47 g/100 g (Nx6,25)	10/11/2021
3	Năng lượng	Regulation (EU) No 1169/2011	219,2 kcal/100 g	14/11/2021
4	Carbohydrate	Ref. AOAC 986.25	36,5 kcal/100 g	14/11/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

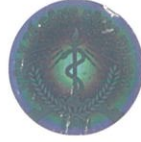
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **01-12-2021**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ths. PHAN BÍCH HÀ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18971.21



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẬN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : HẠT NÊM CHIN-SU NGỌT THANH
Ngày lấy mẫu : 10/11/2021
Lượng mẫu : 01 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 10/11/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	< 0,05 mg/kg	16/11/2021
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	16/11/2021
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	16/11/2021
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	< 0,05 mg/kg	16/11/2021

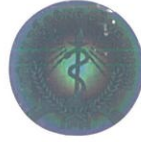
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**01-12-2021**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ths. PHAN BÍCH HÀ



Số: 056472 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 18972.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Địa chỉ : TẦNG 12, TÒA NHÀ MPLAZA SAIGON, SỐ 39 LÊ DUẬN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : HẠT NÊM CHIN-SU NGỌT THANH
Ngày lấy mẫu : 10/11/2021
Lượng mẫu : 01 gói x 300 g
Ngày nhận mẫu : 10/11/2021
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (b)	$2,0 \times 10^3$ CFU /g	11/11/2021
2	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) (b)	< 10 CFU /g	11/11/2021
3	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (b)	< 10 CFU /g	11/11/2021
4	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 966.24 (b)	0 MPN /g	11/11/2021
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (b)	< 10 CFU /g	11/11/2021
6	<i>Salmonella spp.</i>	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017) (b)	Không phát hiện /25g	11/11/2021
7	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	11/11/2021

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong bao bì nhôm ép kín, không nhãn, không NSX - HSD.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01-12-2021
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
BỘ Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Ths. PHAN BÍCH HÀ

KT3-06509ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/11/2021

Page 01/02

1. Tên mẫu : HẠT NÊM CHIN-SU NGỌT THANH
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 11/11/2021
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 12/11/2021 – 17/11/2021
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Customer
Tầng 12, Tòa Nhà Mplaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn,
Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

KT3-06509ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/11/2021
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng aflatoxin B1, $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Aflatoxin B1 content</i>	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Total aflatoxin content</i>	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng ochratoxin A, $\mu\text{g}/\text{kg}$ <i>Ochratoxin A content</i>	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>

QUATEST 3[®]

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*